TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CHÍ LINH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2017/ HNGĐ- ST
Ngày 08/12/2017
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHÍ LINH – HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Minh và ông Nguyễn Văn Thành.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:* Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2017, tại nhà văn hoá khu dân cư THD, phường S, thị xã C, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 363/2017/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2017 về ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2017/QĐST- HNGĐ ngày 24 ngày 11 tháng 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1979.

Bị đơn: Anh Trần Văn H (tên gọi khác Trần Đức H), sinh năm 1978.

Đều TQ: Thôn TT, xã LL, thị xã C, tỉnh Hải Dương.

Chị Th và anh H đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản ghi lời khai nguyên đơn và bị đơn trình bày thống nhất nội dung: Chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Văn H (có tên gọi khác là Trần Đức H) tự nguyện chung sống với nhau từ 02.6.2000, có được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Ngày đó do thiếu hiểu biết về pháp luật nên anh chị chỉ đến nhà cán bộ tư pháp để khai đăng ký kết hôn mà không làm thủ tục tại UBND xã LL. Sau đó anh chị cũng được nhận 01 bản giấy đăng ký kết hôn nhưng lúc đó cũng không biết là không có dấu của UBND xã và không vào sổ lưu tại UBND xã. Anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc chị Th khai đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Anh H thì khai đến năm 2016 thì vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh H uống quá nhiều rượu, khi say thì không làm chủ được mình thường chửi, đánh chị Th

nhiều lần. Chị Th đã phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị nhưng sau đó lại quay lại chung sống vì còn các con chung phải chăm sóc. Mâu thuẫn kéo dài cho đến cuối năm 2016 anh chị ly thân mặc dù vẫn ở chung một nhà nhưng không còn quan tâm chăm sóc nhau. Chị Th đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh H, anh H đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị Nguyệt M, sinh ngày 27/4/2001 và Trần Đức D, sinh ngày 19/8/2007. Hiện tại con chung đang ở cùng anh chị. Chị Th và anh H thống nhất thoả thuận mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng một con chung. Chị Th nuôi dưỡng cháu Trần Đức D, còn anh H nuôi dưỡng cháu Nguyệt M. Anh chị không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung với nhau.

Về tài sản: Vợ chồng có tài sản chung là nhà ở và các tài sản khác tại thôn ThT, xã LL, thị xã C, tỉnh Hải Dương nhưng chị Th và anh H tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà: Chị Th và anh H thống nhất thỏa thuận giao cả hai con chung Trần Thị Nguyệt M và Trần Đức D cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chị Th tự nguyện không yêu cầu anh Hiển cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị.Về tài sản chung không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong qúa trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Văn H (có tên gọi khác là Trần Đức H*)* là vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh chị giao con chung Trần Thị Nguyệt M, sinh ngày 27/4/2001 và Trần Đức D, sinh ngày 19/8/2007 cho chị Th nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị Th.

Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Th phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Th khởi kiện xin ly hôn đối với anh Trần Văn H (tên gọi khác Trần Đức H) có địa chỉ cư trú tại thôn ThT, xã LL, thị xã C, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tàa án nhân dân thị xã C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] .Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh H chung sống với nhau từ năm 2000, trên cơ sở tự nguyện, đủ tuổi kết hôn, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương. Việc anh chị chung sống với nhau nhiều người biết. Trong qúa trình giải quyết chị Thủy có cung cấp cho tòa án một giấy chứng nhận kết hôn có chữ ký của cả hai anh chị, có chữ ký của cỏn bộ tư pháp nhưng không có chữ kỹ và dấu của UBND xã LL, không có ngày tháng cấp, không có số lưu sổ. Xác minh tại UBND xã LL xác định không có tên chị Th và anh H trong sổ đăng ký kết hôn được lưu trữ tại UBND xã trong nhiều năm, thực tế anh chị chung sống với nhau từ năm 2000. Như vậy, xác định chị Th và anh H chung sống với nhau không đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận kết hôn chị Th cung cấp cho tòa án không có giá trị pháp lý. Do đó hôn nhân giữa hai anh chị là không hợp pháp, vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi về chung sống với nhau anh chị đã có thời gian dài hoà thuận, có con chung và có tài sản chung. Năm 2016 anh chị mâu thuẫn trầm trọng và không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay anh chị có yêu cầu ly hôn, Toà án căn cứ khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình để tuyên bố không công nhận anh chị là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung. Chị Th và anh H thống nhất thoả thuận giao cả hai con chung cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chị Th tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị. Xét thỏa thuận này là ý chí tự nguyện của chị Th và anh H, phù hợp với nguyện vọng của các con chung, không trái với các quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Th và anh H không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không xét.

[3] Về án phí: Chị Th là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Văn H (tên gọi khác Trần Đức H) là vợ chồng.

- Quan hệ con chung*:* Công nhận sự thỏa thuận của chị Th và anh H giao con chung Trần Thị Nguyệt M, sinh ngày 27/4/2001 và Trần Đức D, sinh ngày 19/8/2007 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị Th.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Th đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0000241 ngày 23/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chí Linh. Chị Nguyễn Thị Thủy đ ú nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Th anh Trần Văn H (tên gọi khác Trần Đức H) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã C;
- UBND xã LL, thị xã C (ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Thu Hằng